

TƯ TƯỞNG VỀ VĂN HÓA, GIÁO DỤC CỦA LÊ QUÝ ĐÔN – ĐẶC ĐIỂM VÀ BÀI HỌC

THE THOUGHTS ON CULTURE AND EDUCATION
OF LE QUY DON - CHARACTERISTICS AND LESSONS

NGUYỄN XUÂN TRINH^(*)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 20-02-2025 Ngày biên tập xong: 02-6-2025 Ngày duyệt đăng: 30-7-2025 Mã số: TCKH51-06-2025 ISSN: 2525 – 2429</p> <p>Từ khóa: Lê Quý Đôn; văn hóa; giáo dục; đặc điểm; bài học. Key words: Le Quy Don; culture; education; characteristics; lessons.</p>	<p>Ở bài viết này chúng tôi tập trung luận giải những quan điểm về văn hóa, giáo dục của Lê Quý Đôn, được đặt trong mối quan hệ đối sánh với bối cảnh xã hội Đại Việt nhiều biến động ở thế kỷ XVIII. Đồng thời, từ việc phân tích những đặc điểm cơ bản trong tư tưởng của Lê Quý Đôn về văn hóa và giáo dục, bài viết rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với công cuộc xây dựng một nền giáo dục hiện đại, phù hợp với công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước; một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.</p> <p>ABSTRACT: In this article, we focus on analyzing Lê Quý Đôn's perspectives on culture and education, placed in comparison with the tumultuous social context of Đại Việt in the 18th century. Additionally, by examining the fundamental characteristics of Lê Quý Đôn's thoughts on culture and education, the article draws valuable lessons that can serve as references for building a modern educational system aligned with the nation's reform and international integration efforts, as well as fostering an advanced culture rich in national identity.</p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lê Quý Đôn (1726-1784) nguyên tên là Lê Danh Phương, tự là Doãn Hậu, hiệu là Quế Phường. Ông sinh ra ở làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam Hạ (nay thuộc thôn Phú Hiếu, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) [3, tr.18]. Bời thông minh, đỉnh ngô, lại sinh ra và lớn lên trong một gia đình khoa bảng, có cha đỗ tiến sĩ khoa năm Giáp Thìn (1724), mẹ là con gái của quan Tự khanh

Trương Minh Lượng, Lê Quý Đôn có nhiều điều kiện để theo đòi nghiệp bút nghiên. Lớn lên, ông đỗ đầu cả ba kỳ thi Hương - Hội - Đình (Hội nguyên, Đình nguyên, Bảng nhãn) [13, tr.379]. Sau khi đỗ Bảng nhãn, Lê Quý Đôn được bổ nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như: Thị thư Hàn lâm viện (1753); Toàn tu quốc sử (1754); Hàn lâm viện Thị giảng (1757); Đốc đồng xứ Kinh Bắc (năm 1764); Thị thư kiêm Tư nghiệp Quốc tử Giám (1767);

^(*) NCS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, mr.nguyentuantrinh@gmail.com

Tán lý quân vụ, Thị phó đô ngự sử (1768); Công bộ hữu thị lang (1769), Bồi tụng (1773); Lại bộ tả thị lang kiêm Tổng tài quốc sử quán (1775); Hiệp trấn tham tán quân cơ Trấn phủ Thuận Hóa (1776); Hiệp trấn Nghệ An (1783); Công bộ thượng thư (1784)... Nhờ trí thông minh, cùng tinh thần ham học hỏi, với những tư duy mang tính thực tiễn cao, lại được rèn giũa trong môi trường học tập và con đường quan trường, Lê Quý Đôn nhanh chóng trở thành tập đại thành của thời đại; là nhà văn hóa, nhà giáo dục tiêu biểu với nhiều tư tưởng tiến bộ của Đại Việt ở cuối thế kỷ XVIII.

2. NỘI DUNG

Trong bài viết, phương pháp được tác giả sử dụng phổ biến và xuyên suốt là phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm phục dựng một cách chân xác những đặc điểm tiêu biểu về tư tưởng văn hóa và giáo dục của Lê Quý Đôn trong bối cảnh xã hội Đại Việt cuối thế kỷ XVIII. Tuy thuộc chuyên ngành triết học, nhưng nội dung của bài viết có nhiều vấn đề mang tính chất sử học, nên tác giả đồng thời áp dụng 2 phương pháp sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu sử học là: Phương pháp nghiên cứu lịch sử và phương pháp logic để làm rõ hơn về bối cảnh lịch sử, những tiền đề hình thành tư tưởng của Lê Quý Đôn về văn hoá và giáo dục

2.1. Bối cảnh Đại Việt cuối thế kỷ XVIII

Kể từ sau khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ vùng đất Thuận Hóa (1558), Đại Việt từng bước rơi vào tình trạng cát cứ kéo dài hai thế kỷ, với sự đối đầu của hai thế lực phong kiến Trịnh - Nguyễn. Sự phân liệt của Đại Việt thực chất đã manh nha từ đầu thế kỷ XVI, với sự kiện Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê (1527). Từ đó đến năm 1592, khi nhà Mạc bị đánh đuổi khỏi kinh đô Thăng Long, trên lãnh thổ Đại Việt có sự hiện diện của bốn thế lực phong kiến: họ Mạc, họ Lê, họ Trịnh, họ Nguyễn. Cho tới khi nhà Mạc bị tiêu diệt hoàn toàn vào cuối thế kỷ XVII, trên bản đồ chính trị Đại Việt, vẫn

còn ba thế lực phong kiến: Vua Lê, chúa Trịnh và chúa Nguyễn. Về danh nghĩa, trên toàn lãnh thổ Đại Việt chỉ có một người mang thiên mệnh là vua Lê, nhưng thực tế, hai thế lực chúa Trịnh và chúa Nguyễn chia nhau cai trị hai nửa của đất nước. Dẹp xong những thế lực của dư đảng triều Mạc, uy quyền ngày một cao, Trịnh Tùng gây sức ép với vua Lê phong cho mình làm Đô Nguyên súy, Tổng quốc chính, Thượng phụ Bình An vương [16, tr.71-72]. Trong khi đó, ở phía nam sông Gianh, vào năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương chia lại địa giới hành chính. Đàng Trong được chia thành 12 dinh [14, tr.134-135]. Theo đó, Đại Việt bấy giờ có chế độ một vua, hai chúa; ở Đàng Ngoài do vừa có vua, vừa có chúa nên được gọi là “lưỡng đầu chế”. “Lưỡng đầu chế” là một trong những cách thức tổ chức bộ máy hành pháp, cách thức sắp xếp quyền lực nhà nước; ở đó, “một chế độ trong đó có hai nhân viên, hoặc một nhân viên và một ủy ban đứng đầu nền hành chính, trông coi việc cai trị trên cùng một lãnh thổ”. Thực tế là, thế giới đã xuất hiện nhiều hình thức “lưỡng đầu chế” khác nhau và thời Lê - Trịnh ở miền Bắc Việt Nam cũng là một hình thức “lưỡng đầu chế” [10, tr.12]. Trần Ngọc Vương đã nhận xét về chế độ “lưỡng đầu” thời Lê - Trịnh như sau: “ở Việt Nam thời Lê - Trịnh không phải là một cơ chế phân quyền, càng không phải là cơ chế tản quyền, mà là một trạng thái đặc dị, “nhộng tính”, xét cho cùng, là một trạng thái tồn tại đặc thù, kết quả của một sự đấu tranh và “chuyển hóa giữa các mặt đối lập” giữa xu thế tản quyền và xu thế tập quyền đang được đề cập [15, tr.67-74].

Sinh ra, lớn lên và trở thành một “mắt xích” quan trọng trong bộ máy chính quyền của chế độ “lưỡng đầu” Đàng Ngoài, quan điểm về văn hóa, giáo dục của Lê Quý Đôn chịu sự chi phối, ảnh hưởng đáng kể bởi thế chế ấy. Trong hai nhân vật đứng đầu chính quyền Đàng Ngoài (vua Lê và chúa Trịnh), vua Lê là người được nhân dân, đặc biệt là giới sĩ phu Bắc Hà ủng

hộ, vì giữ ngôi vị chính thống, mặc nhiên có quyền thế tập cai trị Đại Việt; việc nắm giữ quyền lực của chúa Trịnh là trường hợp khác thường, chưa từng xuất hiện trong lịch sử Việt Nam. Họ Trịnh, từ Trịnh Kiểm đến Trịnh Tùng, ban đầu là thần tử của vua Lê, có công trong công cuộc “Phù Lê diệt Mạc” và giúp nhà Lê trung hưng, nên được trao - trên thực tế là chiếm đoạt quyền hành [11, tr.38]. Đến cuối thế kỷ XVIII, họ Trịnh nổi đòi giữ vương tước. Để củng cố vững chắc vị thế, họ Trịnh đặt thêm một chính quyền (phủ chúa) bên cạnh triều đình (vua Lê), từng bước thu tóm quyền lực về tay phủ chúa.

Sau một thời gian ổn định, đến đầu thế kỷ XVIII, dấu hiệu rạn nứt trong xã hội Đàng Ngoài bắt đầu xuất hiện. Đặc biệt, từ khi An Đô vương Trịnh Cương mất (1729), con là Trịnh Giang lên thay (Uy Nam vương). Dưới thời Trịnh Giang, chính sự Bắc Hà ngày càng đi xuống, với sự rối loạn của chính quyền trung ương, quan lại đâu đâu cũng tham ô, nhũng nhiễu nhân dân. Chính sách cai trị hà ngược của chúa Trịnh, cùng sự bóc lột tàn bạo của bọn quý tộc, địa chủ... đã đẩy người nông dân vào cảnh bị khốn khổ, bần cùng [1, tr.411]. Thực tế này là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự bùng nổ của các cuộc khởi nghĩa nông dân. Tiêu biểu có thể kể đến cuộc nổi dậy của Nguyễn Hữu Cầu ở Hải Phòng (Quận He), Nguyễn Danh Phương ở Tam Đảo (Quận Hèo), Lê Duy Mật (Thăng Long - Thanh Hoá), Hoàng Công Chất (Mường Thanh)... Trong khi đó, dù khủng hoảng diễn ra trễ hơn, nhưng đến thế kỷ XVIII, tình hình Đàng Trong cũng khá tương tự như Đàng Ngoài.

Có thể thấy, thế kỷ XVIII là giai đoạn đầy biến động của lịch sử Việt Nam. Thế nhưng, chính trong bối cảnh bất ổn đó, văn hóa - tư tưởng lại có điều kiện phát triển, với sự xuất hiện của nhiều nhà văn hóa lớn có tư duy tiên bộ. Tiêu biểu là sự xuất hiện của các tên tuổi như: Lê Quý Đôn, Nguyễn Thiếp, Ngô Thì

Nhậm, Bùi Huy Ích, Nguyễn Huy Oánh, Ngô Thì Sĩ, Lê Hữu Trác... Trong số danh nhân nổi tiếng ấy, Lê Quý Đôn được xem là một nhà bác học, nhà văn hóa, nhà giáo dục xuất sắc của thời đại; nổi lên như là một trong những ngôi sao sáng nhất của Đại Việt thế kỷ XVIII.

2.2. Tư tưởng Lê Quý Đôn về văn hóa

Lê Quý Đôn là nhà văn hóa tiêu biểu của dân tộc ở cuối thế kỷ XVIII. Điều đặc biệt ông vừa là một nhà hoạt động thực tiễn vừa là nhà lý luận. Học vấn uyên bác, cùng niềm đam mê học hỏi đã đưa Lê Quý Đôn lên vị trí hàng đầu trong giới học giả đương thời. Những quan điểm về văn hóa của ông là sự kết tinh của thời đại và mang tính dân tộc sâu sắc.

Trước hết, Lê Quý Đôn là một trí thức luôn mang trong mình lòng tự hào, tự tôn đối với văn hóa dân tộc. Với tư cách là một nhà Nho, ông đánh giá cao Nho gia và văn hóa Trung Hoa, đặc biệt là Tống Nho, nhưng Lê Quý Đôn luôn đề cao văn hóa Đại Việt. Ông luôn tự hào với những giá trị truyền thống mà các thế hệ cha ông đã tạo ra trước đó. Đặc biệt Lê Quý Đôn đề cao văn hóa thời Lý Trần, coi đây là một thời kỳ mà dân tộc đã có một nền văn hiến rực rỡ. Thậm chí Lê Quý Đôn còn khẳng định văn hóa thời Lý - Trần không thua kém so với thời Đường - Tống: *“Nước ta, hai triều nhà Lý, nhà Trần, ngang vào khoảng triều nhà Tống, nhà Nguyên ở Trung Quốc. Lúc ấy, tinh anh nhân tài, phong cách văn chương không khác gì Trung Quốc. Thế nhưng sách vở ghi chép sơ lược, không đầy đủ. Tôi thu nhặt những bài văn còn sót lại ở đồ đồng và bia đá (kim thạch di văn) được mấy chục bài. Qua đó thấy rằng văn thơ nhà Lý, lời biển ngẫu bóng bẩy đẹp đẽ giống thể văn nhà Đường. Đến thời nhà Trần thì lưu loát chỉnh tề, giống khẩu khí nhà Tống”* [4, tr.192]. Đây có thể coi là một lời tuyên ngôn về văn hóa với một lòng tự tôn cao cũng như Lý Thường Kiệt ở thế kỷ XI đã khẳng định:

“Nam quốc sơn hà nam đế cư

Tuyệt nhiên định phận tại thiên thu” (*Nam quốc sơn hà*)

Thời đại của Lê Quý Đôn (cuối thế kỷ XVIII) như nhận định của Nguyễn Tài Thư: “...cộng đồng người Việt Nam đã trở thành một quốc gia dân tộc vững vàng và quốc gia đó đã có một nền văn hóa phong phú, đậm đà sắc thái phương Nam với lối sống, phong tục tập quán, văn học nghệ thuật riêng của mình” [18, tr.370]. Chính điều này đã kết tinh nên con người văn hóa Lê Quý Đôn với vốn tri thức đồ sộ, với ý thức không ngừng học hỏi, bổ sung và luôn luôn khẳng định lòng tự tôn về văn hóa dân tộc mỗi khi có điều kiện. Vì vậy nên, trong chuyến đi sứ sang Trung Hoa, khi thấy các quan lại nhà Thanh có thói quen gọi đoàn sứ của Đại Việt là “di quan, di mục” (quan lại mọi rợ), Lê Quý Đôn đã tranh biện, phản đối, từ đây họ mới gọi là “An Nam công sứ” [8, tr.228]

Thứ hai, từ lòng tự hào với truyền thống văn hoá của dân tộc, Lê Quý Đôn luôn ý thức được việc phải biên soạn, chỉnh lý những tài liệu lịch sử, văn hoá của thời kỳ trước đó vì nhiều lý do đã bị thất lạc, hoặc bị hư hỏng do chiến tranh, thiên tai. Vì vậy dù làm quan ở chức vụ nào, Lê Quý Đôn cũng chú ý đến việc bảo lưu, phát huy những giá trị di sản văn hóa của dân tộc. Có thể khẳng định ông là một trong những người trí thức có cống hiến nhiều nhất đối với việc bảo vệ di sản văn hóa dân tộc. Trong lời tựa cuốn “Kiến văn tiểu lục” Lê Quý Đôn đã trần tình: “đi đến đâu cũng tìm tòi, phạm việc gì mắt thấy tai nghe đều dùng bút ghi chép lại phụ thêm lời bình luận sơ qua, giao tiểu đồng đựng vào túi sách, lâu ngày tích thành tập...” [4, tr.10]. Tinh thần này quả là hiếm có, nhất là đối với những người kinh qua nhiều chức vụ cao trong bộ máy quan lại như ông. Vì vậy, Lê Quý Đôn vừa là một nhà chính trị nhưng đồng thời là một tác gia có khối lượng trước tác đồ sộ mà ít người theo kịp. Theo thống kê, số công trình mà Lê Quý Đôn đã biên soạn có khoảng trên 50 tác phẩm [9,

tr.60-63]. Điều này vừa thể hiện sức làm việc phi thường của ông, vừa thể hiện ý thức muốn bảo tồn những giá trị văn hóa dân tộc của một người đại trí thức của Đại Việt thời kỳ này. Đặc biệt, những công trình khảo cứu của Lê Quý Đôn như: *Hoàng Việt Thi tuyển*, *Hoàng Việt văn hải*, *Toàn Việt thi lục*... là những sưu tầm quý giá về thơ văn Việt Nam. Nhờ *Toàn Việt thi lục* mà hậu thế biết được từ đời Lý đến Trương Dực để đời Lê có 897 bài thơ chữ Hán của 73 thi sĩ [9, tr.48]. Một điểm rất đặc biệt là trong lúc làm quan ở địa phương nào ông cũng để ý quan sát, tìm hiểu và ghi chép về tình hình địa phương đó trên các lĩnh vực. Tiêu biểu như tác phẩm *Phủ biên tạp lục*, được biên soạn năm 1776, khi ông được chúa Trịnh Sâm giao giữ chức Hiệp trấn xứ Thuận Hóa. Trong thời gian làm việc ở trấn Thuận Hóa, ngoài công việc của một chức quan ông còn dành thời gian ghi lại những điều mắt thấy tai nghe, ông đã cẩn trọng đối sánh, xác minh, chỉnh lý và hệ thống và cho ra cuốn *Phủ Biên tạp lục* này. Đây là công trình ghi chép rất có giá trị về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa hai xứ Thuận Quảng ở thế kỷ XVIII. *Phủ biên tạp lục* là tài liệu quan trọng để sau này Quốc sử quán triều Nguyễn dựa vào để viết 2 bộ sử đồ sộ là: *Đại Nam thực lục* (phần tiền biên) và *Việt sử thông giám cương mục*. Ngoài ra một công trình cũng rất giá trị về mặt văn hóa nữa là *Kiến văn tiểu lục*, ghi chép tỉ mỉ về phong tục tập quán thời Lý Trần, về văn hóa nghệ thuật của Việt Nam nói chung. Những Nho gia truyền thống thường chỉ am tường Tứ thư ngũ kinh theo kiểu “chi hồ giả dã” (之乎者也), ít quan tâm đến vấn đề thực tiễn. Nhưng Lê Quý Đôn thì khác, dù tiếp nhận Tống Nho nhưng ông lại có lòng tự tôn dân tộc cao dựa trên những kiến thức uyên bác trên nhiều lĩnh vực thực vật, nông nghiệp, y học... mà ít người sánh kịp. Thông qua các trước tác của ông, có thể thấy Lê Quý Đôn am tường về hàng chục loại gỗ, hàng trăm giống lúa, nhiều

loại hoa quả, đặc biệt là hàng trăm cây cỏ thảo mộc có giá trị của nước Nam. Vì hiểu rõ giá trị của cây cỏ thảo mộc nước nhà nên Lê Quý Đôn thường phê phán nhiều người đương thời chỉ biết quý những sản vật của nước ngoài, của phương Bắc mà xem thường những sản vật của chính quê hương mình. Ông nhận xét những người đó chẳng qua là những người “chán gà thích le le đồng vật thời” [7, tr.210].

Thứ ba, Lê Quý Đôn là người có tư tưởng tương đối cởi mở về văn hóa, sẵn sàng học tập, tiếp thu những tri thức tiên bộ từ bên ngoài để làm giàu hơn cho văn hóa dân tộc. Ông có vốn hiểu biết phong phú về nhiều vùng đất khác nhau, đồng thời là người trí thức có lòng tự tôn dân tộc rất cao. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà ông sa vào chủ nghĩa dân tộc một cách cực đoan trái lại luôn chú ý học hỏi những tinh hoa của những nền văn minh khác một cách hồ hởi. Đây là một tư duy về văn hóa rất khoáng đạt hiếm thấy ở một nhà Nho trước đây của Việt Nam. Khác với các Nho sĩ truyền thống, Lê Quý Đôn không chỉ quan tâm học hỏi nghiên cứu về văn hóa Trung Quốc mà còn rất chú ý đến cả những giá trị của văn minh phương Tây [9, tr.49].

Thế kỷ XVIII, ở châu Âu, khoa học kỹ thuật đã phát triển, người châu Âu ít nhiều đã hiểu quy luật biến đổi của tự nhiên và xã hội, nhận thức và cải tạo môi trường sống. Thông qua các thương nhân và giáo sĩ đạo Kitô sang truyền đạo ở các nước phương Đông như: Ly Mã Đâu (Matteo Ricci, giáo sĩ người Italia), Nam Hoài Nhân (Ferdinand Verbiest, giáo sĩ người Bỉ), Thang Nhượng Vọng (Schall Von Bell, giáo sĩ người Đức)... văn minh phương Tây cũng đã ít nhiều được truyền bá sang phương Đông, trong đó có Đại Việt. Do tinh thần ham học hỏi, Lê Quý Đôn đã đọc nhiều cuốn sách của người Tây Phương viết về thiên văn, địa lý, khoa học kỹ thuật được dịch ra Hán văn, nhờ đó ông biết được thế giới quanh ta là vật chất (khí), biết được vị trí chính xác của các ngôi sao, biết được quả đất hình tròn với kinh tuyến, vĩ tuyến,

xích đạo, các đại lục, đại dương... [12, tr.118]. Thật không quá khi khẳng định: Trước thế kỷ XIX, Lê Quý Đôn là Nho sĩ Việt Nam duy nhất, tìm hiểu và nắm bắt được một số kiến thức Cận đại của thông qua sách vở chữ Hán do các giáo sĩ phương Tây sống ở Trung Hoa ghi chép. Thậm chí nhà Việt Nam học người Nga Niculin coi Lê Quý Đôn như một nhân vật có tầm vóc tư tưởng khai sáng ở Việt Nam. Chính ông báo trước sự xuất hiện của các nhà canh tân ở nửa sau thế kỷ XIX (như Nguyễn Trường Tộ, Đặng Xuân Bảng, Nguyễn Huy Trứ...) [17, tr.17]. Tất nhiên, với những hạn chế thời đại, việc tiếp nhận tư tưởng phương Tây của Lê Quý Đôn vẫn còn ở mức độ hạn chế và có một số điểm giải chưa chuẩn xác.

Thứ tư, Lê Quý Đôn là người có nhiều nỗ lực để quảng bá những giá trị văn hóa của dân tộc ra bên ngoài. Đây có thể xem là một đóng góp độc đáo của ông đối với việc bảo vệ, quảng bá những giá trị văn hóa dân tộc. Trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc (1640-1642), với tư cách là Phó sứ và là một trí thức lớn của Đại Việt, Lê Quý Đôn đã đính chính những hiểu biết sai lệch của Nho sĩ phương Bắc về việc học của nước ta. Nho sĩ Trung Hoa dựa vào cuốn sách “*An Nam chí*” của Cao Hùng Trưng, thời nhà Minh, cho rằng: Nước Nam từ khi có Giản Tấn dạy bảo mới biết việc học tập, vì vậy họ gọi Giản Tấn là Giản phu tử. Lê Quý Đôn khẳng định viết như thế là càn rỡ, bởi Giản Tấn là quan nhà Minh, vì trái ý Minh Thành Tổ mà bị truất chức, sang làm quan Tham nghị ở Giao Chỉ không đầy một năm thì dạy bảo được ai. Đồng thời ông khẳng định nước Nam từ thời Lý-Trần đã có một nền văn minh rực rỡ không thua kém phương Bắc. Việc học tập, thi cử đã được thực hiện một cách quy củ, các kỳ thi chọn tiến sĩ diễn ra đều đặn chứ đâu phải đến khi Giản Tấn sang mới có. Để minh chứng, Lê Quý Đôn Ông còn đưa cuốn *Trích điểm thi tập* của Hoàng Đức Lương, tập thơ văn chọn lọc thời Trần và Lê Sơ, cho Chu Bội Liên-một Nho

thần có tiếng, đồng thời là Tổng trấn Quảng Tây xem, để biết An Nam từ thời Trần đã có nhiều văn học thi chương, chứ không phải từ Giải Tân mới biết đến văn học. Ông khẳng khái khẳng định đầy tự hào: “*Bản quốc từ thời Lý, Trần nhân văn đã hưng thịnh. Hương học, Quốc học đều theo tiêu chuẩn như thời Đường Tống. Các bậc quân tử như Trương Hán Siêu, Lê Bá Quát, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh đều nổi tiếng văn chương đương thời. Văn Trinh Hầu Chu Văn An sống ở cuối thời Trần, học vấn uyên thâm chuyên nhất, nổi tiếng gần xa...*” [8, tr.301]. Những lời lẽ đanh thép trên có thể coi là sự kể tục tuyên ngôn của Nguyễn Trãi ở thế kỷ XV “*Duy ngã Đại Việt chi quốc/ Thực vi văn hiến chi bang*” (Bình Ngô đại cáo). Đặc biệt là Lê Quý Đôn khẳng định điều này ngay trên chính đất nước Trung Hoa và với những trí thức lớn của phương Bắc.

Ngoài ra, đề quảng bá văn hóa Việt đến các học giả nước ngoài, ông còn đưa các công trình do ông biên soạn như: *Quần thư khảo biện, Thánh mô hiền phạm lục, Tiêu Tương bách vịnh* của mình cho các Nho thần nhà Thanh cùng các sứ thần Triều Tiên xem và đề tựa. Họ đều khâm phục và coi ông là bậc “Thạc học của phương Nam”. Trạng nguyên Hồng Hải Hy của Triều Tiên đã đánh giá Lê Quý Đôn là người dám “lật lại những luận án đã thành nếp”, “dám phá toang những sai lầm đã duyên tập lâu ngày”. Cuối cùng Hồng Khải Hy đã khẳng định: “thật là kiến thức rất mực vượt lên ngàn đời”. Đề đốc Chu Bột Liên dù mang trong mình tư tưởng Thiên triều, nhưng khi đọc tác phẩm của Quế đường tiên sinh cũng phải thừa nhận tài năng xuất chúng của ông, thậm chí còn tôn Lê Quý Đôn là “ông tổ lý học” phương Nam ...” [8, tr.293]. Với những điều trên có thể thấy, Lê Quý Đôn là một hiện tượng văn hóa độc đáo, chưa từng có trong lịch sử dân tộc trước đó.

2.3. Tư tưởng về giáo dục của Lê Quý Đôn

Không chỉ được biết đến là một nhà chính trị, nhà văn hóa, nhà khoa học, Lê Quý Đôn còn là một nhà giáo mẫu mực, có nhiều tư duy mang tính thực tiễn, vượt tầm thời đại của mình. Điều này được thể hiện ở nhiều góc độ, đáng chú ý là trên hai phương diện quan trọng sau:

Một là, về phương pháp học tập. Theo Lê Quý Đôn, muốn nhớ được kiến thức thì học phải biết nắm lấy cái chính, “nếu ta giữ được cho gọn, chọn được tinh thì dù sự vật cổ kim rối loạn ở trước mắt, tự nhiên ta cũng có thể chiêm chước được phần gốc và phần ngọn, dung hội được phần bắt đầu và phần kết, để ta càng nhận thấy rằng tuy khác đường mà cùng về chung một chỗ, tuy khác lối mà cùng đến một nơi, thì làm sao có việc chê cười rằng đã rộng mà ít tóm tắt, đã ngọc mà không thành công được” [5, tr.26]. Lê Quý Đôn nhấn mạnh ý nghĩa của việc học là để nắm rõ việc ngàn xưa “hiểu rõ pháp chế của tiên vương, cho nên lấy văn chương định nghiệp cả, lấy lễ nhạc giúp cuộc thái bình, cho nên gọi là học cổ (học việc đời xưa)” [7, tr.86].

Một quan điểm rất tiến bộ khác về phương pháp học tập mà Lê Quý Đôn quan tâm - đó là “học đi đôi với hành” và đề cao việc tự học. Ông cho rằng: “đọc sách học được một thước chẳng bằng làm được một tấc”, hay “đọc sách không cần nhiều đọc được một chữ thì đem thực hành một chữ” [5, tr.101]. Khác với nhiều Nho sĩ cùng thời, Lê Quý Đôn đã có những quan điểm về giáo dục đầy tính thực tiễn. Tuy xuất thân từ cái nôi giáo dục Nho học, nhưng ông không đồng tình với lối giáo dục giáo điều đương thời, vì theo ông: “cái học ấy làm cho lời bàn luận sáng suốt băng đi, thói cầu cạnh mỗi ngày một thịnh. Người có chức vị ít giữ được phong độ thanh liêm, nhún nhường, trong triều đình không nghe có lời can gián. Gặp có việc thì rụt rè, cầu thả, thấy lúc nguy thì bán nước để toàn thân, dẫu người gọi là bậc danh Nho, cũng đều yên tâm nhận sủng vinh phi nghĩa. Rồi nào thơ, nào ca, trao đổi khoe

khoang tán tụng lẫn nhau, tập tục sĩ phu thói nát đến thế là cùng, tệ hại biến đổi lần này không thể nào nói cho xiết được” [4, tr.301]. Theo Lê Quý Đôn ngoài “học cổ” những bậc quân tử cần phải “thông kim” (thông thạo việc đời nay) tức đưa cái sở học của mình để vận dụng vào thực tế, giúp đời. Ông giảng rằng “Hiểu nhân tình, thông việc đời, không theo ý mình cho trái tục, không nệ cổ để hại kim, không rơi vào ý kiến quanh co của bọn Nho hủ lậu” [7, tr.86-87].

Hai là, việc dạy học và nội dung giảng dạy. Theo Lê Quý Đôn, việc dạy học cần phải bắt đầu từ những việc nhỏ, dạy từ khi còn bé. Ông đề nghị và xem pháp luật như là một nội dung quan trọng cần được đưa vào chương trình giảng dạy, giáo dục cho học sinh từ lớp đồng ấu. Trong gia đình, “dạy con phải dạy cho có nghề nghiệp” và “biết sợ hãi mới thành người, biết hổ thẹn mới thành người, biết khó nhọc mới thành người” [4, tr.2-23].

Lê Quý Đôn đề cao giáo dục một cách toàn diện, không giới hạn nội dung giảng dạy trong phạm vi văn sách: “giáo khoa dạy cả lục nghệ, trong đó cả văn tự và vũ bị. Cho nên những người đã được giáo dục lối ấy, ở trong triều đình thì làm khanh tướng, ra ngoài tỉnh quận thì làm tướng soái, không có cái gì mà không thích dụng... Học giả mà không thấu suốt hoàn bị thì sao được” [5, tr.96]. Ông là người có quan điểm giáo dục thể chất tiến bộ hơn hẳn người đương thời.

Lê Quý Đôn cũng chú ý đến hoạt động giáo dục thẩm mỹ, đặc biệt là về âm nhạc. Có lẽ vì vậy mà, Lê Quý Đôn am hiểu tất cả những tri thức thuộc về âm nhạc từ thế kỷ XVIII trở về trước; tìm ra vẻ đẹp riêng của âm nhạc, một vẻ đẹp hài hòa, giản dị, không bắt chước. Trong tác phẩm *Vân đài loại ngữ*, Lê Quý Đôn thể đã nêu lên quan điểm rằng, thể giới âm thanh phản ánh tâm hồn của con người: “Thanh thấp do nhân tâm tĩnh mà không ganh đua, thanh cao do nhân tâm cấp bách mà thích ganh đua” [6,

tr.113]. Vì vậy, ngoài tri thức cần phải chú trọng trao dồi cho bản thân về nghệ thuật nói chung và âm nhạc nói riêng.

Từ những phác thảo cơ bản trên đây, có thể thấy, Lê Quý Đôn là người thầy đức độ, hết lòng vì học trò. Tư tưởng của Lê Quý Đôn luôn hướng đến xây dựng một nền giáo dục toàn diện, chú trọng tính thực tiễn trong việc học. Ông là một tấm gương sáng về tinh thần học tập, hình ảnh người thầy luôn cần mẫn, hết lòng vì dạy dỗ học trò, luôn hết mình suy nghĩ cho sự phồn vinh của dân tộc, nước nhà. Không quá khi Tiến sĩ Bùi Huy Bích (1744-1802), một trí thức lớn ở cuối thế kỷ XVIII, đã nhận định về người thầy của mình như sau: “Than ôi! Thông minh nhất đời, đọc rộng hết các sách, soạn ra văn chương đủ lưu hành ở đời và truyền lại về sau. Nước ta một, hai trăm năm nay, mới lại có một người như Thầy” [19, tr.499-504].

2.4. Đặc điểm và bài học

Có thể thấy, đặc điểm trong tư tưởng về văn hóa và giáo dục của Lê Quý Đôn có thể khái quát thành những nét chính như sau:

Về văn hóa, trước hết, ông nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Ông cho rằng bản sắc văn hóa là linh hồn và cốt cách của một dân tộc, là yếu tố khẳng định chủ quyền và độc lập quốc gia; Lê Quý Đôn đã sưu tầm, biên soạn và chỉnh lý nhiều tài liệu văn hóa, lịch sử, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc. Một số tác phẩm nổi bật của ông bao gồm *Phủ biên tạp lục*, *Kiến văn tiểu lục*, *Vân Đài loại ngữ*...

Về giáo dục, Lê Quý Đôn đề cao vai trò của giáo dục trong việc phát triển con người và xã hội. Ông nhấn mạnh việc học tập không chỉ để thi cử mà còn để hiểu biết sâu rộng và ứng dụng vào thực tiễn. Ông cũng là người ủng hộ việc học tập đa ngành, từ triết học, lịch sử, địa lý đến văn học, nhằm xây dựng một nền giáo dục toàn diện.

Những tư tưởng trên của Lê Quý Đôn đã để lại những bài học sâu sắc đối với thế hệ mai sau.

Thứ nhất là nâng cao lòng tự hào, tự tôn đối với văn hóa dân tộc nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ hiện nay. Việt Nam là một quốc gia có lịch sử lâu đời, với bề dày văn hóa được hun đúc qua nhiều thế hệ. Khi nghiên cứu về tư tưởng văn hóa của Lê Quý Đôn, chúng ta càng thêm tự hào hơn về văn hóa dân tộc. Tư tưởng về văn hóa của Lê Quý Đôn đó là lòng yêu nước và tự tôn dân tộc cao đã khiến cho ông luôn ý thức gìn giữ, biên tập và chỉnh lý các trước tác của cha ông một cách có hệ thống nhằm lưu giữ nó cho đời sau. Ông đã có công lớn trong việc gìn giữ, bảo tồn nhiều tác phẩm có giá trị của dân tộc, đồng thời có nhiều công trình ghi chép về lịch sử, văn hóa nhiều vùng đất khác nhau trong cả nước. Từ bài học của Lê Quý Đôn, chúng ta càng hiểu sâu sắc rằng muốn giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc mình, trước hết mỗi người dân cần phải mang trong mình lòng yêu nước, lòng tự hào và tự tôn dân tộc. Điều này, được thể hiện qua rất nhiều việc làm hàng ngày như: Tôn vinh trang phục dân tộc, món ăn dân tộc của các vùng miền...

Thứ hai, trong bối cảnh hội nhập văn hoá mạnh mẽ như hiện nay mỗi công dân hãy là một đại sứ về văn hóa để lan tỏa văn hóa Việt Nam đến bạn bè khắp nơi trên thế giới. Từ cuối thế kỷ XVIII, trong bối cảnh còn nhiều trở ngại trong việc liên hệ với bên ngoài, Lê Quý Đôn đã tích cực giới thiệu về lịch sử, văn hóa Đại Việt đến những người nước ngoài khi có điều kiện, khiến họ phải có sự nể trọng nhất định đối với nước Nam. Ngày nay, chúng ta có nhiều điều kiện thuận lợi hơn nhiều, nên mỗi người Việt Nam phải là một “Đại sứ văn hóa” góp phần vào quảng bá hình ảnh tươi đẹp của đất nước Việt Nam với bạn bè quốc tế bằng nhiều phương cách khác nhau: Khi ở trong nước, khi đi ra nước ngoài, trên mạng xã hội...

Thứ ba, bên cạnh lòng tự tôn đối với văn hóa dân tộc, chúng ta cần có tinh thần cởi mở hơn về văn hóa và giáo dục, sẵn sàng đón nhận,

tiếp thu những tri thức, cách thức vận hành tiến bộ từ bên ngoài. Tinh thần cởi mở về văn hóa là một đặc trưng tiêu biểu trong văn hóa Việt từ xưa đến nay. Chính nhờ đặc điểm này đã giúp văn hóa Việt Nam không những không bị văn hóa ngoại lai đồng hóa, trái lại còn tiếp nhận nhiều yếu tố tiến bộ của văn hóa bên ngoài để làm giàu thêm cho văn hóa dân tộc. Tư duy học hỏi của Lê Quý Đôn đối với tinh hoa nhân loại là một bài học lớn đối với thế hệ trẻ trên con đường học tập, cũng như con đường lập thân lập nghiệp để sớm đưa nước nhà “sánh vai cùng các cường quốc năm châu”.

Thứ tư, tư tưởng về việc giáo dục toàn diện của Lê Quý Đôn ở cuối thế kỷ XVIII cũng là một bài học mang tính thời sự cho công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay ở nước ta. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học” [2, tr. 232]. Điều này khẳng định tính kế thừa và phát triển Đảng coi giáo dục có vai trò quan trọng đối với việc phát triển con người toàn diện, đồng thời nhanh nhạy thích ứng với xu thế thời đại, tiếp thu những thành tựu của giáo dục trên thế giới, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

3. KẾT LUẬN

Lê Quý Đôn là một nhà văn hóa lớn, một nhà giáo dục với tư duy tiên bộ và thực tiễn của Đại Việt ở cuối thế kỷ XVIII. Tư tưởng về văn hóa và giáo dục của Lê Quý Đôn không chỉ có ý nghĩa đối với thời đại ông ở thế kỷ XVIII mà vẫn còn nguyên giá trị đối với công cuộc xây dựng một nền giáo dục hiện đại, phù hợp với công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước; một nền văn hóa tiên tiến mang đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hóa “thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế...” [2, tr.138] như chủ trương mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ của XIII (2021). Nói cách khác,

những quan điểm về văn hóa, giáo dục được Lê Quý Đôn đề cập, tuy cách đây đã hơn ba thế kỷ nhưng vẫn còn nguyên tính thời sự. Trong đó, đáng lưu tâm là quan điểm: Xây dựng một nền giáo dục mang tính thực tiễn, học đi đôi với hành, hình thành ý thức tự học, tự trau dồi kiến thức kỹ năng của mỗi cá nhân; Chú trọng giáo

dục toàn diện, vừa đào tạo kiến thức, vừa quan tâm phát triển các kỹ năng cần thiết cho học sinh và đầu tư nâng cao thể chất cho thế hệ tương lai; Luôn nhận thức rõ vai trò của việc bảo vệ, lưu giữ di sản văn hóa dân tộc, đồng thời cũng không ngừng học hỏi, tiếp thu những thành tựu văn minh tiên bộ của nhân loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Duy Anh (2018), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII, tập II*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [3] Đinh Công Vỹ (2012), *Nhà sử học Lê Quý Đôn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [4] Lê Quý Đôn (2007), *Kiến văn tiểu lục*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [5] Lê Quý Đôn (1995), *Vân đài loại ngữ*, tập 1, quyển 1,2,3, Văn hóa Thông Tin, Hà Nội.
- [6] Lê Quý Đôn (1995), *Vân đài loại ngữ*, tập 2, quyển 4,5,6,7, Văn hóa Thông Tin, Hà Nội.
- [7] Lê Quý Đôn (1995), *Vân đài loại ngữ*, tập 3, quyển 8 và 9, Văn hóa Thông Tin, Hà Nội.
- [8] Lê Quý Đôn (2018), *Bắc sử thông lục*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [9] Hà Thúc Minh (1998), *Lê Quý Đôn - Nhà tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XVIII*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Lê Kim Ngân (1974), *Văn hóachính trị Việt Nam - chế độ chính trị Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản, Sài Gòn.
- [11] Lương Mỹ Vân (2022), *Lê Quý Đôn và Jeong Yak Yong - từ chú giải Kinh thư đến tư tưởng chính trị*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [12] Lê Văn Quán (2013), *Lịch sử tư tưởng chính trị, xã hội Việt Nam thời Lê Nguyễn*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [13] Phan Huy Chú (2014), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2: Nhân vật chí, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [14] Quốc sử quán nhà Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [15] Trần Ngọc Vương (2008), *Lưỡng đầu chế thời Lê - Trịnh và những hệ quả của nó*, *Tap chí Triết học*, số tháng 9.
- [16] Trần Thị Vinh (Chủ biên, 2017), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 4 Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [17] Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Sở Văn hóa - Thông tin và thể thao Thái Bình (1995), *Lê Quý Đôn – Nhà thư viện, thư mục học Việt Nam thế kỷ XVIII*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [18] Nguyễn Tài Thư (Chủ biên, 1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [19] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2004), *Ngữ văn Hán Nôm*, tập 4, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.